

Số: 26 - KH/ĐU

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Triển khai thực hiện Nghị quyết 79-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 29-NQ/CP ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ về phát triển kinh tế nhà nước

Thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước (viết tắt là Nghị quyết số 79-NQ/TW) và Nghị quyết số 29-NQ/CP ngày 24 tháng 02 năm 2026 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước (viết tắt là Nghị quyết số 29-NQ/CP), Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết 79-NQ/TW và Nghị quyết số 29-NQ/CP về phát triển kinh tế nhà nước (viết tắt là Kế hoạch hành động) như sau:

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức thể chế hóa và thực hiện đầy đủ, đồng bộ, nhất quán các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 79-NQ/TW, Nghị quyết số 29-NQ/CP về phát triển kinh tế nhà nước.

- Đề cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp, nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Nghị quyết số 79-NQ/TW, Nghị quyết số 29-NQ/CP từ đó góp phần nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các nguồn lực; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền; tăng cường công khai, minh bạch, tự chủ, tự chịu trách nhiệm và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong quản lý, hoạt động và nâng cao hiệu quả của nền kinh tế.

2. Yêu cầu

- Bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 79-NQ/TW, Nghị quyết số 29-NQ/CP để tổ chức thực hiện có hiệu quả; xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong việc thực hiện, nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan đơn vị.

- Xác định rõ nhiệm vụ cụ thể, làm căn cứ để tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết, bảo đảm hiện thực hóa mục tiêu nâng cao hiệu quả, phát huy vai trò chủ đạo, tiên phong, định hướng chiến lược của kinh tế nhà nước.

- Quá trình thực hiện phải tạo được sự đồng bộ với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chương trình, kế hoạch của Đảng ủy Bộ.

II - NHIỆM VỤ

1. Nhiệm vụ chung

a) Đảng bộ Bộ tổ chức triển khai tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 79-NQ/TW, Nghị quyết số 29-NQ/CP và vai trò của kinh tế nhà nước theo hướng đa dạng hóa các hình thức, phương thức tuyên truyền; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng. Xây dựng chương trình truyền thông chuyên đề về phát triển kinh tế nhà nước trên đài truyền hình, phát thanh, trên các mạng xã hội, báo điện tử.

b) Các cấp ủy đảng và lãnh đạo các đơn vị;

- Quán triệt đầy đủ, sâu sắc tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các quan điểm, chủ trương của Đảng về kinh tế nhà nước. Đổi mới mạnh mẽ tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo; chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại, hành động quyết liệt.

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu phát triển ngành gắn với phát triển kinh tế nhà nước coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, thường xuyên của Đảng bộ Bộ và các cấp ủy đảng.

- rà soát các văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý để xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền để kịp thời xử lý, tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế đối với kinh tế nhà nước; đồng thời phân định rõ chức năng sở hữu, chức năng quản lý kinh tế, chức năng thực hiện các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận với chức năng kinh doanh đối với các tổ chức kinh tế nhà nước.

- Chỉ đạo cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hoá thủ tục, giảm thiểu can thiệp hành chính trực tiếp, giảm chi phí tuân thủ, áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

c) Các đơn vị lồng ghép trong kế hoạch phát triển kinh tế nhà nước trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Bộ hằng năm và 05 năm; chủ động bố trí, lồng ghép kinh phí hoặc tổng hợp, đề nghị cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để triển khai các hoạt động liên quan.

2. Các nhiệm vụ cụ thể

2.1. Đối với đất đai và tài nguyên

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch hoàn thiện đồng bộ pháp luật về đất đai và tài nguyên theo hướng phân cấp, phân quyền hợp lý trong quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên; phát triển công nghiệp chế biến sau khai thác khoáng sản nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội.

b) Rà soát và đề xuất sửa đổi Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm bảo đảm tháo gỡ các vướng mắc trong quản lý đất đai; tạo cơ hội bình đẳng cho các khu vực kinh tế trong tiếp cận đất đai; ưu tiên bố trí quỹ đất cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị, nhà ở xã hội và làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và cương quyết thu hồi đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích, lãng phí.

b) Tập trung nghiên cứu, sửa đổi Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, nhằm bảo đảm quản lý tập trung, liên ngành, khai thác hiệu quả, bền vững tài nguyên biển, đảo và bảo vệ môi trường, hệ sinh thái biển, đảo; khuyến khích phát triển nhanh và bền vững các loại năng lượng sạch, xanh từ biển; ưu tiên phát triển điện gió ngoài khơi.

c) Sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030 làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung các dự án có tính cấp bách quan trọng phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển vào Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo giai đoạn 2026-2030; xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển, đảo bảo đảm “đúng”, “đủ”, “sạch”, “sống”; tổ chức triển khai có hiệu quả kế hoạch thực hiện quy hoạch không gian biển quốc gia, kế hoạch thực hiện quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

d) Đầu tư hệ thống trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, điều tra cơ bản tài nguyên và giám sát môi trường biển.

đ) Rà soát, đề xuất xây dựng và hoàn thiện quy định pháp luật về khuyến khích việc nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản vùng biển xa với công nghệ hiện đại, bền vững, phù hợp luật pháp quốc tế.

e) Rà soát, đề xuất xây dựng và hoàn thiện quy định pháp luật về việc huy động, sử dụng và phát huy có hiệu quả nguồn lực đất đai, biển, đảo, đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn biển.

g) Hoàn thiện việc đo đạc, thống kê, số hoá, làm sạch hệ thống dữ liệu đất đai trên toàn quốc, kết nối, chia sẻ liên thông với các hệ thống dữ liệu quốc gia khác; rà soát chính xác các loại đất để có phương án điều chỉnh quy hoạch phù hợp trên cơ sở bảo đảm an ninh lương thực quốc gia kết hợp nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo quỹ đất hợp lý cho phát triển công

nghiệp và dịch vụ, đô thị, thúc đẩy việc quản lý, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu thực tế và có tầm nhìn dài hạn.

h) Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, mô hình số để hỗ trợ ra quyết định điều hòa phân bổ nguồn nước và theo dõi, giám sát việc phối hợp vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực trên các lưu vực sông lớn của Việt Nam.

i) Rà soát, xây dựng và hoàn thiện quy định pháp luật quy định cụ thể việc áp dụng công cụ kinh tế, tài chính để thực hiện hạch toán và bảo đảm chia sẻ lợi ích trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

k) Điều tra, thăm dò, thống kê đầy đủ các nguồn tài nguyên khoáng sản để thống nhất quản lý, sử dụng có hiệu quả.

n) Rà soát, đề xuất xây dựng và hoàn thiện quy định pháp luật về địa chất khoáng sản theo hướng:

- Khuyến khích tiếp cận, tiến tới làm chủ công nghệ khai thác, chế biến sâu các loại khoáng sản, nhất là những loại khoáng sản chiến lược cho các ngành công nghiệp công nghệ cao.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra nước ngoài nhằm thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản trong nước chưa có hoặc trữ lượng hạn chế.

2.2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng

Rà soát, đề xuất xây dựng và hoàn thiện quy định pháp luật nhằm khuyến khích mở rộng việc áp dụng các hình thức đầu tư theo phương thức công - tư như "đầu tư công - quản trị tư", "đầu tư tư - sử dụng công" và các hình thức hợp tác công tư khác để xây dựng và quản lý, vận hành hiệu quả nhất các công trình kết cấu hạ tầng.

2.3. Đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Rà soát, sáp nhập, giải thể các quỹ ngoài ngân sách trùng lặp, kém hiệu quả, không phù hợp với yêu cầu phát triển; giảm đầu mỗi để tăng quy mô, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của các quỹ; tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình quản lý, sử dụng các quỹ; đẩy mạnh số hoá, công khai thông tin và kết quả hoạt động.

2.4. Đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước

a) Rà soát, xây dựng và hoàn thiện quy định pháp luật nhằm khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước đầu tư vào các lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính, hấp thụ khí thải nhà kính, phát triển kinh tế tuần hoàn sử dụng nguyên liệu đầu vào là thành phần gây ảnh hưởng môi trường.

b) Đối với cơ quan đại diện chủ sở hữu:

- Chuyển giao vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống cho doanh nghiệp có chức năng kinh

doanh và đầu tư vốn nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cùng ngành nghề để quản lý, đầu tư phát triển, thực hiện trách nhiệm của chủ sở hữu đối với phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp (tái cơ cấu, bổ sung vốn hoặc thoái vốn), bảo đảm hiệu quả nguồn vốn đầu tư của Nhà nước và quy định của pháp luật.

- Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị doanh nghiệp; tiếp tục sắp xếp doanh nghiệp (bao gồm cả việc phá sản doanh nghiệp) để doanh nghiệp hoạt động lành mạnh trở lại, tránh gây lãng phí, thất thoát tài sản, nguồn vốn, giảm thiểu thiệt hại cho nhà nước, doanh nghiệp.

- Xây dựng và triển khai một cách thực chất, hiệu quả kế hoạch cổ phần hóa, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo quy định pháp luật nhằm giảm đầu mối quản lý, tăng quy mô hoạt động, đa sở hữu vốn đối với doanh nghiệp để tăng vị thế, vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong bối cảnh mới.

- Kiên quyết thay thế, miễn nhiệm những người thiếu trách nhiệm, yếu kém để xảy ra thất thoát, lãng phí, gây ảnh hưởng tiêu cực, làm trì trệ, kìm hãm sự phát triển và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

c) Đối với doanh nghiệp thuộc Bộ:

- Thiết lập và triển khai hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ có hiệu quả trong việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, xung đột lợi ích.

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật trong hoạt động sản xuất; tăng cường áp dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản trị, quản lý của doanh nghiệp.

- Thực thi hiệu quả cơ chế tiền lương theo các quy định của pháp luật, bảo đảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước với các doanh nghiệp thuộc các khu vực kinh tế khác trong việc thu hút nguồn lực chất lượng cao.

2.5. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

Rà soát, sắp xếp danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; sắp xếp, tổ chức lại hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và theo đúng các quy định của pháp luật. Bảo đảm kinh phí cho các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu; kiên quyết không để việc thiếu nguồn lực (con người, tài chính, ...) dẫn tới giảm chất lượng phục vụ người dân; chuyển các dịch vụ sự nghiệp công có khả năng xã hội hoá cao sang thực hiện theo cơ chế thị trường.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Kế hoạch hành động đối với lĩnh vực được phân công phụ trách. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy Bộ cùng với cấp ủy, lãnh đạo việc nghiên cứu, quán triệt, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch hành động theo đơn vị được phân công.

2. Các đảng bộ, chi bộ trực thuộc Đảng ủy Bộ

- Phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 79-NQ/TW, Nghị quyết số 29-NQ/CP và các nội dung của Kế hoạch hành động này đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị; cụ thể hóa thành các nhiệm vụ thực hiện gắn với chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với đặc điểm, tình hình của đơn vị bảo đảm khả thi, thiết thực, hiệu quả; chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện các nội dung đã được xác định trong Nghị quyết số 79-NQ/TW, Nghị quyết số 29-NQ/CP và Kế hoạch hành động này; kịp thời báo cáo Đảng ủy Bộ các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

- Bí thư các đảng bộ, chi bộ trực thuộc Đảng ủy Bộ chịu trách nhiệm trước Đảng ủy Bộ về việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này trong phạm vi lĩnh vực, nhiệm vụ được giao.

3. Giao Chi bộ Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì xây dựng Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW và Nghị quyết số 29-NQ/CP.

- Phối hợp với Văn phòng Đảng ủy tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ và Đảng ủy Bộ tiến độ và kết quả triển khai, thực hiện Kế hoạch hành động.

4. Các đơn vị thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động này định kỳ hàng quý, 6 tháng và hàng năm báo cáo kết quả và tiến độ triển khai, thực hiện về Bộ (qua Văn phòng Đảng ủy Bộ, Vụ Kế hoạch – Tài chính). Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm về việc triển khai Chương trình hành động và việc gửi báo cáo theo quy định.

5. Giao Văn phòng đảng ủy theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch hành động của Bộ, Nghị quyết số 29-NQ/CP và Nghị quyết số 79-NQ/TW; chủ trì, phối hợp với Chi bộ Vụ Kế hoạch – Tài chính tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ và Đảng ủy Bộ tiến độ và kết quả triển khai, thực hiện Kế hoạch hành động.

6. Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Bộ thường xuyên kiểm tra, giám sát cấp ủy các đơn vị trực thuộc Đảng ủy Bộ trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW và Chương trình hành động của Bộ theo quy định. Coi đây là một trong các tiêu chí xem xét đánh giá, xếp loại cuối năm.

Đảng ủy Bộ yêu cầu các Đảng ủy, Chi ủy và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ phổ biến, quán triệt đến toàn thể lãnh đạo, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động của đơn vị; lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai kịp thời, có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch hành động này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng và các ban Đảng Trung ương (để b/c),
- Đảng ủy Chính phủ (để báo cáo),
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ,
- Các đồng chí Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ,
- Các đảng bộ, chi bộ trực thuộc Đảng bộ Bộ,
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy Bộ,
- Lưu VPĐU, KHTC.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**


Trần Đức Thắng

ĐẢNG BỘ CHÍNH PHỦ
ĐẢNG ỦY BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

*

Phụ lục

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 79-NQ/TW, NGHỊ QUYẾT SỐ 29-NQ/CP VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Kế hoạch hành động số 26 -KH/ĐU ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Đảng ủy Bộ)

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan tổ chức đảng chủ trì | Cơ quan tổ chức đảng phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|----------|---|---|---|--|----------------------|
| I | Nhiệm vụ chung | | | | |
| 1 | Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 79-NQ/TW, Nghị quyết 29-NQ/CP: truyền thông chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin, truyền thông, nhất là các chính sách liên quan đến quản lý, sử dụng các tài nguyên thuộc lĩnh vực Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý. | Đảng bộ, Chi bộ: Cục Chuyển đổi số; Văn phòng Bộ; Báo Nông nghiệp và Môi trường, Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường (theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị) | Các Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc Đảng bộ Bộ | Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, truyền thông | Thường xuyên |
| 2 | Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 79-NQ/TW, Nghị quyết số 29-NQ/CP và Kế hoạch hành động của Bộ | Các Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc Đảng bộ Bộ | Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Bộ | Báo cáo | Thường xuyên |
| 3 | Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu phát triển ngành gắn với nhiệm | Chi bộ Vụ Kế hoạch – Tài chính, | Các Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc Đảng | Báo cáo | Thường xuyên |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan tổ chức đăng chủ trì | Cơ quan tổ chức đăng phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----------|---|---|---|--------------------------------------|-------------------------|
| | vụ của Nghị quyết, Kế hoạch hành động. | Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Bộ | bộ Bộ | | |
| 4 | Chỉ đạo việc rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước để đề xuất xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển kinh tế nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường | Các Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc Đảng bộ Bộ | Chi bộ Vụ Pháp chế | Kế hoạch xây dựng văn bản QPPL | Thường xuyên |
| 5 | Rà soát, cải cách quy trình thủ tục về dự trữ quốc gia để điều tiết, hỗ trợ kịp thời hiệu quả | Chi bộ Vụ Kế hoạch – Tài chính | Các Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc Đảng bộ Bộ | Văn bản /quyết định | Thường xuyên |
| 6 | Tiếp tục tăng cường cơ cấu lại vốn nhà nước; tăng cường nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. | Chi bộ Vụ Kế hoạch – Tài chính, Vụ Tổ chức cán bộ | Các doanh nghiệp | Văn bản /quyết định | Thường xuyên |
| II | Nhiệm vụ cụ thể | | | | |
| 1 | Đối với lĩnh vực đất đai | | | | |
| 1.1 | Rà soát đề xuất sửa đổi Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành theo hướng phân cấp, phân quyền hợp lý trong quản lý, khai thác và sử dụng đất để tháo gỡ vướng mắc trong quản lý đất đai, huy động, sử dụng và phát huy có hiệu quả nguồn lực đất đai | | | | |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan tổ chức đăng chủ trì | Cơ quan tổ chức đăng phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|--|---------------------------------|---|---|---------------------------|
| - | Hoàn thành việc xây dựng và ban hành Luật Đất đai sửa đổi và các văn bản hướng dẫn | Cục Quản lý đất đai | Các đơn vị có liên quan | Luật đất đai sửa đổi và các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành | Tháng 5/2027 |
| 1.2 | Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật về đất đai theo hướng: (i) tạo cơ hội bình đẳng cho các khu vực kinh tế trong tiếp cận đất đai; (ii) ưu tiên bố trí quỹ đất cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị, nhà ở xã hội và (iii) làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và cương quyết thu hồi đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích, lãng phí. | Cục Quản lý đất đai | Các đơn vị có liên quan | Luật đất đai sửa đổi và các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành | 2026-2027 |
| 1.3 | Hoàn thiện việc đo đạc, thống kê, số hoá, làm sạch hệ thống dữ liệu đất đai trên toàn quốc, kết nối, chia sẻ liên thông với các hệ thống dữ liệu quốc gia khác; rà soát chính xác các loại đất để có phương án điều chỉnh quy hoạch phù hợp trên cơ sở bảo đảm an ninh lương thực quốc gia kết hợp với nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tái tạo quỹ đất hợp lý cho phát triển công nghiệp và dịch vụ, đô thị; thúc đẩy việc quản lý, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu thực tế và có tầm nhìn dài hạn | | | | |
| - | Hoàn thiện việc đo đạc, thống kê, số hoá, làm sạch hệ thống dữ liệu đất đai trên toàn quốc, kết nối, chia sẻ liên thông với các hệ thống dữ liệu quốc gia khác | Cục Quản lý đất đai | Cục Chuyển đổi số, Các đơn vị có liên quan | - Các VB hướng dẫn, chỉ đạo - Cơ sở dữ liệu đất đai do TW triển khai thực hiện | Phấn đấu đến hết năm 2026 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan tổ chức đăng chủ trì | Cơ quan tổ chức đăng phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----------|---|---|--|---------------------------------|---------------------------------|
| - | Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 | Cục Quản lý đất đai | Các đơn vị có liên quan | Quyết định | 2026-2027 |
| 2 | <i>Đối với lĩnh vực địa chất, khoáng sản</i> | | | | |
| 2.1 | Đẩy mạnh điều tra, thăm dò, thống kê đầy đủ các nguồn tài nguyên, khoáng sản để thống nhất quản lý, sử dụng có hiệu quả. | Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam | Cục Chuyển đổi số và các đơn vị có liên quan | Đề án; Bộ dữ liệu | 2026-3030 |
| 2.2 | Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Địa chất và Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật | Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam | Các đơn vị có liên quan | Luật sửa đổi/Nghị định/Thông tư | Tháng 10/2027 |
| 3 | <i>Lĩnh vực biển và hải đảo</i> | | | | |
| 3.1 | Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (thay thế) | Đảng bộ Cục Biển và Hải đảo Việt Nam | Đảng bộ các đơn vị; Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Cục Môi trường các đơn vị có liên quan | Luật | Tháng 10/2026 |
| 3.2 | Đánh giá, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đề ra Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; sửa đổi bổ sung hoặc xây dựng Nghị quyết mới thay thế | Cục Biển và Hải đảo Việt Nam | Cục Thủy sản và Kiểm ngư; các đơn vị có liên quan | Nghị quyết của Bộ Chính trị | Năm 2026 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan tổ chức đăng chủ trì | Cơ quan tổ chức đăng phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|---|---------------------------------|--|-------------------------------|-------------------------|
| 3.3 | Xây dựng và triển khai kế hoạch điều tra cơ bản; xây dựng hệ thống dữ liệu các loại tài nguyên khu vực biển, đảo; xây dựng và triển khai kế hoạch khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế kết hợp bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền đất nước. | | | | |
| - | Sơ kết thực hiện Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung các dự án có tính cấp bách quan trọng phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển vào Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo giai đoạn 2026-2030 | Cục Biển và Hải đảo Việt Nam | Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Cục chuyển đổi số và các đơn vị có liên quan | Báo cáo | Năm 2026 |
| - | Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin tích hợp và hiện đại hóa công tác quản lý tổng hợp tài nguyên môi trường biển và hải đảo | Cục Biển và Hải đảo Việt Nam | Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Cục chuyển đổi số và các đơn vị có liên quan | Dự án/Hệ thống dữ liệu | Năm 2026 |
| 3.4 | Xây dựng và triển khai kế hoạch nâng cao năng lực dự báo và giám sát môi trường biển. Đầu tư hệ thống trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, điều tra cơ bản tài nguyên và giám sát môi trường biển. | | | | |
| - | Xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực dự báo và giám sát môi trường biển. | Cục Biển và Hải đảo Việt Nam | Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Cục chuyển đổi số và các đơn vị có liên quan | Dự án/Hệ thống trang thiết bị | 2026-2030 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan tổ chức đăng chủ trì | Cơ quan tổ chức đăng phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|---|---|--|--|-------------------------|
| - | Đầu tư hệ thống trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, điều tra cơ bản tài nguyên và giám sát môi trường biển | Cục Biển và Hải đảo Việt Nam | Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Cục chuyển đổi số và các đơn vị có liên quan | Dự án/Hệ thống trang thiết bị | 2026-2030 |
| 3.5 | Phát triển nhanh và bền vững các loại năng lượng sạch, xanh từ biển; ưu tiên phát triển điện gió ngoài khơi | Cục Biển và Hải đảo Việt Nam | Các đơn vị có liên quan | Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (thay thế) | 2026-2030 |
| 3.6 | Rà soát, sửa đổi bổ sung Luật Đa dạng sinh học và các văn bản hướng dẫn Luật | Cục Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học | Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Cục Môi trường và các đơn vị có liên quan | Luật của Quốc hội hoặc Nghị định, Thông tư | Tháng 5/2028 |
| 3.7 | Rà soát, sửa đổi bổ sung Luật Thủy sản hoặc và các văn bản hướng dẫn Luật | Cục Thủy sản và Kiểm ngư | Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Cục Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, Cục Môi trường và các đơn vị có liên quan | Luật sửa đổi | Tháng 5/2028 |
| 3.8 | Thúc đẩy việc nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản vùng biển xa với công nghệ hiện đại, bền vững | Cục Thủy sản và Kiểm ngư | Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Cục Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, Cục Môi trường và các đơn vị có liên quan | Luật Thủy sản sửa đổi; các Chương trình/Dự án | 2026-2030 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan tổ chức đăng chủ trì | Cơ quan tổ chức đăng phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|----------|---|---|----------------------------------|---------------------|-------------------------|
| 4 | Đối với lĩnh vực thủy lợi, tài nguyên nước | | | | |
| 4.1 | Đối với lĩnh vực tài nguyên nước | | | | |
| - | Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, mô hình số để hỗ trợ ra quyết định điều hòa phân bổ nguồn nước và theo dõi, giám sát việc phối hợp vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực trên các lưu vực sông lớn của Việt Nam | Cục Quản lý tài nguyên nước | Các đơn vị có liên quan | Quyết định | 2026 - 2030 |
| - | Xây dựng, ban hành hướng dẫn kỹ thuật thực hiện hạch toán tài nguyên nước | Cục Quản lý tài nguyên nước | Các đơn vị có liên quan | Thông tư/Quyết định | Năm 2027 |
| 4.2 | Tổng kết, đánh giá hoạt động đầu tư theo phương hướng thực đối tác công tư lĩnh vực nước sạch nông thôn; Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về khuyến khích mở rộng áp dụng các hình thức đầu tư theo phương thức công tư và các hình thức hợp tác công tư lĩnh vực quản lý, khai thác công trình nước sạch nông thôn. | Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi | Các đơn vị có liên quan | Báo cáo tổng kết | Năm 2028 |
| 4.3 | Rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn thi hành | Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi | Các đơn vị có liên quan | Luật sửa đổi | Tháng 10/2028 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan tổ chức đăng chủ trì | Cơ quan tổ chức đăng phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|--|---|--|--------------------|-------------------------|
| 4.4 | Xây dựng cơ sở dữ liệu thủy lợi dùng chung để đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi thông minh. | Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi | Các đơn vị có liên quan | Bộ cơ sở dữ liệu | Năm 2026 |
| 5 | <i>Đối với lĩnh vực môi trường</i> | | | | |
| 5.1 | Nghiên cứu, xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định về việc cập nhật bổ sung quy định về tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh | Cục Môi trường | Các đơn vị có liên quan | Quyết định | Năm 2028 |
| 5.2 | Hướng dẫn các định dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị | Cục Môi trường | Các đơn vị có liên quan | Quyết định | Năm 2028 |
| 5.3 | Nghiên cứu, rà soát, xây dựng và hoàn thiện quy định pháp luật theo hướng quy định cụ thể các chính sách ưu đãi về thuế, phí, tiếp cận hạ tầng,.. nhằm khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước đầu tư vào các lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính, hấp thụ khí thải nhà kính, phát triển kinh tế tuần hoàn sử dụng nguyên liệu đầu vào là thành phần gây ảnh hưởng môi trường. | Cục Biến đổi khí hậu | Vụ Khoa học công nghệ, Cục Môi trường và các đơn vị có liên quan | Nghị định/Thông tư | 2027 -2028 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan tổ chức đăng chủ trì | Cơ quan tổ chức đăng phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|----------|---|---|--|------------------------------------|-------------------------|
| 6 | <i>Các lĩnh vực khác</i> | | | | |
| 6.1 | Rà soát đề xuất sáp nhập, giải thể, đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động các quỹ ngoài ngân sách trùng lập, kém hiệu quả, không phù hợp với yêu cầu phát triển thuộc thẩm quyền của Bộ | - Vụ Tổ chức cán bộ - Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam | Vụ Kế hoạch – Tài chính và các đơn vị có liên quan | Quyết định hoặc văn bản rà soát | Năm 2026 |
| 6.2 | Xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển giao vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống cho doanh nghiệp có chức năng kinh doanh và đầu tư vốn nhà nước | Chi bộ Vụ Kế hoạch – Tài chính | Doanh nghiệp có vốn nhà nước và các đơn vị có liên quan | Biên bản chuyển giao | Năm 2026 |
| 6.3 | Xây dựng kế hoạch/đề án sắp xếp đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp, tham mưu xây dựng kế hoạch cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động, quản trị doanh nghiệp | Chi bộ Vụ Kế hoạch – Tài chính | Doanh nghiệp có vốn nhà nước và các đơn vị có liên quan | Kế hoạch sắp xếp doanh nghiệp | Năm 2026 |
| 6.4 | Thay thế, miễn nhiệm những người thiếu trách nhiệm, yếu kém để xảy ra thất thoát, lãng phí, gây ảnh hưởng tiêu cực, làm trì trệ, kìm hãm sự phát triển và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. | Vụ Tổ chức cán bộ | Vụ Kế hoạch – Tài chính; Doanh nghiệp có vốn nhà nước và các đơn vị có liên quan | Quyết định | Hàng năm |
| 6.5 | Rà soát, sắp xếp danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc Bộ phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp | Chi bộ Vụ Kế hoạch – Tài chính | Vụ Kế hoạch – Tài chính; Đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị có liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan tổ chức đăng chủ trì | Cơ quan tổ chức đăng phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|--|---------------------------------|---|------------------------------------|-------------------------|
| 6.6 | Thiết lập và triển khai hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ có hiệu quả trong việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, xung đột lợi ích | Các doanh nghiệp thuộc Bộ | Vụ Kế hoạch – Tài chính; Vụ Tổ chức cán bộ; các đơn vị có liên quan | Quy chế nội bộ | Năm 2026 |
| 6.7 | Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật trong hoạt động sản xuất; tăng cường áp dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản trị, quản lý của doanh nghiệp | Các doanh nghiệp thuộc Bộ | Vụ Kế hoạch – Tài chính; Vụ Tổ chức cán bộ; Vụ Khoa học công nghệ các đơn vị có liên quan | Số hóa hoạt động quản lý/điều hành | Hằng năm |

